

Số: 1286/SGD&ĐT-GDMN&TH
V/v Hướng dẫn Báo cáo sơ kết
học kỳ I năm học 2007-2008

Bến Tre, ngày 26 tháng 12 năm 2007

Kính gửi: Các Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã

Thực hiện tinh thần công văn số 12834/BGDĐT-GDMN ngày 06/12/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Báo cáo sơ kết học kỳ I năm học 2007-2008; Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các Phòng Giáo dục và Đào tạo báo cáo sơ kết học kỳ I năm học 2007-2008 gồm các nội dung như sau:

Phần một: Nêu tình hình nổi bật nhất về thuận lợi và khó khăn của huyện có tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ năm học.

Phần hai: Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học (tính đến hết tháng 12 năm 2007).

1. Báo cáo đánh giá việc tổ chức thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” tập trung vào các nội dung: hình thức tổ chức, số lượng CBGV tham gia học tập bồi dưỡng, kết quả tham gia các phong trào ở địa phương? Việc vận dụng tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ mầm non của CBQL và giáo viên như thế nào?

Tổ chức thực hiện cuộc vận động “Hai không” đối với giáo dục mầm non: Nêu rõ nội dung đã đạt và những hạn chế, khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện chống bệnh thành tích và những tiêu cực trong GDMN? Đề xuất biện pháp khắc phục?

2. Công tác phát triển số lượng:

+ Báo cáo một số thông tin cơ bản, phân tích về các loại hình: Công lập – Ngoài công lập và xu hướng phát triển của các loại hình từ nay đến cuối năm học.

+ Những biện pháp chính để phát triển số lượng? Nhận xét, so sánh với cùng kỳ năm học 2006-2007 và so với thời điểm đầu năm học này (tăng, giảm về số trường, lớp, số trẻ ở các độ tuổi, nêu rõ lý do).

+ Số trường mầm non đạt chuẩn được công nhận trong học kỳ I và kinh phí đầu tư xây dựng trường chuẩn?

3. Chỉ đạo trọng tâm về chuyên môn (nội dung, biện pháp và kết quả):

+ Công tác đảm bảo an toàn, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc vệ sinh, dinh dưỡng, giáo dục và bảo vệ môi trường.

+ Đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ hiện hành tại địa phương; việc thực hiện qui chế nuôi dạy trẻ?

+ Các nội dung giáo dục khác: Giáo dục an toàn giao thông, ứng dụng công nghệ thông tin, giáo dục trẻ khuyết tật hoà nhập, phòng chống HIV/AIDS trong GDMN.

4. Công tác chỉ đạo thực hiện phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng: nội dung, hình thức, biện pháp tổ chức thực hiện, nhấn mạnh việc phối hợp với các ban ngành đoàn thể ở địa phương (điểm mạnh và những hạn chế, khó khăn).

5. Về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý:

- Số lớp bồi dưỡng chuyên môn? Thời gian, nội dung, số lượng người và thành phần tham dự. Kinh phí (nguồn của Phòng GD&ĐT).

- Tổng số: Cán bộ quản lý, giáo viên. Trong đó số được biên chế? Số cán bộ quản lý, giáo viên mới được tuyển biên chế trong năm học này?

- Những chế độ chính sách mới cho cán bộ quản lý và giáo viên: nêu rõ những vấn đề đã được giải quyết thực hiện, những vấn đề đã trình nhưng chưa thực hiện.

- Công tác phát triển đảng: số lượng đảng viên, tỷ lệ/CBGV; số lượng tổ chức công đoàn đã được thành lập và số công đoàn viên tham gia sinh hoạt. Đánh giá hoạt động của tổ chức nhà trường.

6. Triển khai các Quyết định, Đề án phát triển GDMN của tỉnh. Những thuận lợi và khó khăn?

7. Công tác thanh tra, kiểm tra: nêu cách làm có sự đổi mới so với trước. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

- Số trường: Xếp loại:

- Số giáo viên:

Phần ba: Những việc chưa làm được cần tiếp tục thực hiện; những hạn chế cần khắc phục và biện pháp thực hiện trong học kỳ II.

Phần bốn: Những kiến nghị, đề nghị với cơ quan cấp trên để tháo gỡ khó khăn nhằm hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm học; đề xuất nội dung, hình thức kiểm tra, đánh giá thi đua thực hiện nhiệm vụ năm học góp phần đổi mới công tác thi đua.

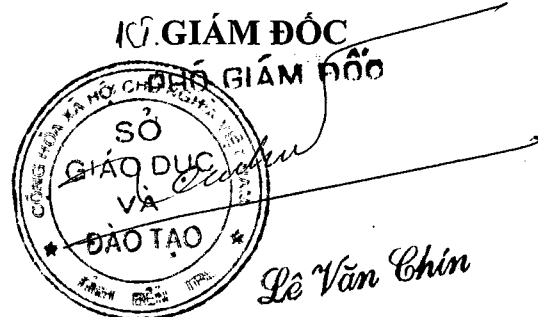
Nhận được công văn này, yêu cầu các Phòng GD-ĐT nghiên cứu và nghiêm túc thực hiện theo hướng dẫn. Báo cáo viết gọn, rõ, cung cấp những thông tin cơ bản, phân tích rõ nguyên nhân chưa thực hiện được, các số liệu thống nhất và chính xác với thống kê giữa năm học (kèm mẫu báo cáo thống kê).

Thời hạn nộp báo cáo về Sở GD&ĐT (Phòng GDMN&TH) trước ngày 03/01/2008. ✓

Nơi nhận: *ms*

- Như trên;

- Lưu: VT, P.GDMN&TH.



BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC MẦM NON

Giữa năm học 2007-2008

Đơn vị gửi :

Đơn vị nhận :

BIỂU 1 : PHÁT TRIỂN SỐ LƯỢNG .

Stt	Nội dung	TỔNG SỐ	Chia ra các loại hình			
			Công lập	Bán công	Dân lập	Tư thực
1	Tổng số trường					
	Trường mầm non					
	Trường mẫu giáo					
	Nhà trẻ độc lập					
	TS khu mầm non					
2	Tổng điều tra trẻ tuổi nhà trẻ					
	Trong đó: - Số trẻ là nữ					
	- Số trẻ khuyết tật					
4	Nhóm trẻ trong các cơ sở GDMN					
	Nhóm trẻ chia theo độ tuổi					
	Nhóm trẻ sinh hoạt ghép					
5	Nhóm, lớp tư thực		X	X	X	X
	Nhóm, lớp tư thực được cấp phép		X	X	X	X
6	Trẻ nhà trẻ ra lớp					
	Trong đó : - Số trẻ là nữ					
	- Số trẻ em dân tộc thiểu số					
	Tỉ lệ					
	Trẻ học trong trường, nhóm, lớp tư thực					
7	Nhóm trẻ nuôi ăn					
	Số trẻ được nuôi ăn tại nhà trẻ					
	Số trẻ nuôi 2 bữa chính					
	Số trẻ nuôi bữa phụ					
	Số trẻ không tổ chức nuôi ăn tại trường					
	Tỷ lệ/ TS trẻ đến trường					
8	Số trẻ khám sức khoẻ định kỳ					
9	Số trẻ theo dõi SK=BĐTT					
	Phân loại SK: Kênh A					
	Kênh B					
	Kênh C					
	Tỉ lệ SDD					

BIỂU 1: PHÁT TRIỂN SỐ LƯỢNG (Tiếp theo)

Stt	Nội dung	TỔNG SỐ	Chia ra các loại hình			
			Công lập	Bán công	Dân lập	Tư thực
	Tổng điều tra trẻ tuổi mẫu giáo					
	Trong đó số trẻ là nữ					
	* Số điều tra trẻ mẫu giáo 5 tuổi					
	Trong đó: - Số trẻ là nữ					
	- Số trẻ bị khuyết tật					
2	Tổng số trẻ mẫu giáo ra lớp					
	Trong đó : - TS trẻ MG ra lớp là nữ					
	- Số trẻ em dân tộc thiểu số					
	- Số trẻ MG khuyết tật hoà nhập					
	* TS trẻ 5 tuổi ra lớp					
	Trong đó trẻ 5 tuổi ra lớp là nữ					
3	Trẻ mẫu giáo được nuôi ăn					
	Tỉ lệ/ TS trẻ MG ra lớp					
	- Số trẻ được nuôi 2 bữa chính					
	- Số trẻ nuôi bữa phụ					
	- Số trẻ không nuôi ăn tại trường					
	Tỷ lệ					
4	Số trẻ được khám sức khoẻ định kỳ					
5	Số trẻ được theo dõi SK=BĐTT					
	Phân loại SK : Kênh A					
	Kênh B					
	Kênh C					
	Tỉ lệ SDD					
6	Số trường có mô hình phòng chống SDD					
7	Số nhóm lớp thực hiện ĐMHT tổ chức giáo dục trẻ					
8	Số nhóm, lớp thực hiện CT CSGD					
9	Số nhóm, lớp thực hiện thí điểm CT GDMN					
	Trong đó: - Số trẻ					
	- Số giáo viên					

BIỂU 3 : CƠ SỞ VẬT CHẤT

Stt	Danh mục	TỔNG SỐ	Chia ra		Ghi chú
			Nhóm trẻ	Lớp MG	
1	Số phòng học hiện có đang sử dụng:				
	Trong đó : - Số phòng kiên cố				
	- Số phòng cấp 4				
	Số phòng học tạm, hết niên hạn sử dụng				
	Số phòng học không đảm bảo an toàn				
2	Số phòng học nhờ				
	Trong đó : phòng học nhờ nhà văn hoá				
	Phòng học nhờ nhà dân				
3	Số phòng học xây mới : Từ 1/9/07				
	Trong đó số phòng học đạt chuẩn				
4	Số phòng học cải tạo sửa chữa trong học kỳ I				
5	Số trường có nguồn nước sạch để sử dụng				
	TS khu mầm non có nguồn nước sạch để sử dụng				
	Số công trình nước sạch được làm mới trong HKI				
	Tỷ lệ/ khu MN				
6	TS nhóm lớp có CTVS đạt yêu cầu				
	Số CTVS làm mới trong học kỳI				
	Tỷ lệ				
7	Số khu mầm non có sân chơi				
	Số khu mầm non có đồ chơi ngoài trời				
	Tỷ lệ/ khu				
8	Số bếp ăn hợp vệ sinh, xây đúng mẫu				
	Bếp xây mới trong học kỳ I				
	Bếp cải tạo, sửa chữa trong học kỳI				
9	Số lớp có đủ đồ dùng tối thiểu cho giáo viên				
10	Số lớp có đủ đồ dùng đồ chơi tối thiểu cho trẻ				
	Số lớp đảm bảo thiết bị dạy đổi mới GDMN				
11	Số trường có ứng dụng công nghệ thông tin				
	Trường có máy tính, photo copy, ứng dụng Kidsmart,...				
	Số lớp được trang bị máy vi tính và cài đặt phần mềm <i>Chữ viết</i>				
	Trong đó: - Bộ cấp				
	- Tỉnh cấp				
	- Địa phương tự mua sắm				
12	Số trường đạt chuẩn quốc gia trong học kỳ I				
	- Trường thành thị				
	- Trường nông thôn				
	- Trường dự kiến công nhận trong HKII				

BIỂU 4 : KINH PHÍ ĐẦU TƯ CHO GDMN

Số	Nội dung		Tỷ lệ	Ngân sách	Ch. trình	Cha mẹ	Nguồn	Khác
TT		Tổng số tiền		Nhà nước	mục tiêu	đóng góp	tài trợ	
I	TỔNG KINH PHÍ							
1	KP xây dựng CSVC							
	Trong đó: Xây mới							
	- Cải tạo, sửa chữa							
	- Mua sắm thiết bị							
2	KP chi lương CB, GV, NV							
	- Biên chế nhà nước							
	- Hợp đồng lao động							
	- Bồi dưỡng giáo viên							
3	KP cho hoạt động ch. môn							
4	Mức thu học phí	X	X	X	X			X
	- Công lập	X	X	X	X			X
	- Bán công	X	X	X	X			X
	- Dân lập	X	X	X	X			X
	- Tư thực	X	X	X	X			X
	- Trường chất lượng cao	X	X	X	X			X
5	Mức thu tổ chức nuôi	X	X	X	X			
	- Nhà trẻ	X	X	X	X			
	- Mẫu giáo	X	X	X	X			

Người lập biểu

Ngày.... Tháng.... Năm
Thủ trưởng đơn vị